

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-4-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đăng và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.
 - **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.
 - **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.
- Ngày 10/4/2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/3/2023, giữa các đương sự:
- Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thế K, sinh năm 1996 – có mặt.
Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.
Chỗ ở: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1998 – vắng mặt.
Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.
Chỗ ở: Số Z, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thế K trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Th sống chung với nhau trên cơ sở tình yêu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ngày 03/01/2018. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi nhau thường xuyên, có khi xảy ra xô xát, do không cùng quan điểm sống, nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng anh đã sống ly thân. Nay anh nhận thấy không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thế Q, sinh ngày 29/3/2018. Khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giao cháu Q cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K sống chung với nhau trên cơ sở tình yêu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ngày 03/01/2018. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi nhau thường xuyên, do anh K ham chơi, không chăm sóc gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng chị đã sống ly thân. Anh K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị đồng ý ly hôn với anh K.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế Q, sinh ngày 29/3/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cháu Q cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên. Vì để con cho anh K nuôi chị không yên tâm.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thế K về quan hệ hôn nhân, về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 20/9/2022, anh K và chị Th nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 20/9/2022 Tòa án thông báo về quyền lựa chọn hòa giải và lựa chọn hòa giải viên, ngày 13/10/2022 anh K và chị Th có văn bản từ chối lựa chọn thủ tục hòa giải tại Tòa án, ngày 17/10/2022 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng lệ phí, ngày 18/10/2022 nguyên đơn nộp biên lai thu tạm ứng lệ phí và Tòa án thụ lý việc hôn nhân gia đình là đúng quy định tại Điều 363 và Điều 365 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” theo quy định tại khoản 2 Điều 29 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng*:

[3.1] Trong quá trình giải quyết đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh K và chị Th, Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng chị Th vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy ngày 21/11/2022 Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết việc hôn nhân gia đình chuyển thành vụ án hôn nhân gia đình và tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp khoản 5 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3.2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Th đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự*:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại ủy ban nhân dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ngày 03/01/2018. Sau khi kết hôn anh K và chị Th sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, hiện nay anh K và chị Th đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh K và chị Th thì địa phương xác định: Vợ chồng anh K và chị Th đã sống ly thân.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mặt khác cả anh K và chị Th cùng có ý kiến đồng ý ly hôn nên giải quyết cho anh K ly hôn chị Th là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh K và chị Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế Q, sinh ngày 29/3/2018; anh K yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thế Q cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên vọng được chăm sóc con của anh K là chính đáng; bởi lẽ từ khi hai vợ chồng anh chị sống ly thân cháu Q ở cùng anh K tại trụ sở Viettel Post – Krông Búk, việc đưa đón đi học và đóng học phí cho cháu Q tại Trường T đều do anh K thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, giao cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên là phù hợp Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh K và chị Th tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh K và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Thế K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng lệ phí chị Nguyễn Thị Th đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào khoản 5 Điều 18; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Thế K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thế K được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thế Q, sinh ngày 29/3/2018 cho anh Nguyễn Thế K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Chị Nguyễn Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Thế K và chị Nguyễn Thị Th tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Thế K và chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Thế K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0018225 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng lệ phí bị đơn chị Nguyễn Thị Th đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0018225 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Thế K có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Khanh